



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07981/2024/PKQ (5656.01W2410.0774)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/ quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - 7A1-Cầu Định Công - Nguyễn Cảnh Dị  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Thời gian lấy mẫu : 01  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,10	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0774: Tủ đồng hồ kiểm soát - 7A1-Cầu Định Công - Nguyễn Cảnh Dị

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

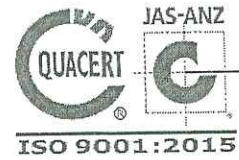
Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07986/2024/PKQ (5656.01W2410.0779)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng H1H4 Linh Đàm- Khu Đô thị Linh Đàm  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : 01  
 Thời gian lấy mẫu : 16/10/2024  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,18	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0779: Tủ đồng hồ khách hàng H1H4 Linh Đàm- Khu Đô thị Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

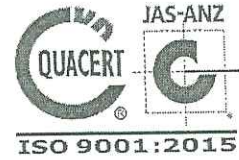
QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07987/2024/PKQ (5656.01W2410.0780)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ kiểm soát - DN200\_ThanhBinh - Phố Nguyễn Cảnh Dị  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Thời gian lấy mẫu : 01  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,18	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: **KPH**- Không phát hiện  
 - **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
 - **01W2410.0780**: Tủ đồng hồ kiểm soát - DN200\_ThanhBinh - Phố Nguyễn Cảnh Dị  
 - (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH  
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07988/2024/PKQ (5656.01W2410.0781)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng - DN80\_ThanhBinh KĐT Thanh Bình - Nguyễn Cảnh Dị  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Thời gian lấy mẫu : 01  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,31	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0781: Tủ đồng hồ khách hàng - DN80\_ThanhBinh- KĐT Thanh Bình - Nguyễn Cảnh Dị

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07989/2024/PKQ (5656.01W2410.0782)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng - Học viện Y học cổ truyền Quân Đội- Đường Kim Giang  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Thời gian lấy mẫu : 01  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,57	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,33	trong khoảng 6,0- 8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: **KPH**- Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2018/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2410.0782**: Tủ đồng hồ khách hàng - Học viện Y học cổ truyền Quân Đội- Đường Kim Giang

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

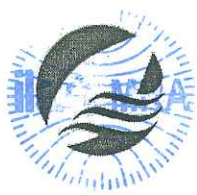
Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.  
 2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.  
 3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07990/2024/PKQ (5656.01W2410.0783)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/ quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng - Đại Học Thăng Long- Đường Nghiêm Xuân Yêm  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Thời gian lấy mẫu : 01  
 Thời gian thử nghiệm : 16/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,53	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,31	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện  
 - QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt  
 - 01W2410.0783: Tủ đồng hồ khách hàng - Đại Học Thăng Long- Đường Nghiêm Xuân Yêm  
 - (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024



Đỗ Văn Mạnh





## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07999/2024/PKQ (5698.01W2410.0842)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO  
 Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội  
 Địa điểm lấy mẫu/ quan trắc : Tủ đồng hồ khách hàng - Bệnh viện Bưu Điện- Đường Trần Điền  
 Loại mẫu : Nước sạch  
 Tình trạng mẫu : PE 1,0L không hãm hóa chất, bảo quản lạnh  
 TT 0,1L bảo quản lạnh  
 Số lượng mẫu : 01  
 Thời gian lấy mẫu : 18/10/2024  
 Thời gian thử nghiệm : 18/10/2024 - 21/10/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli <sup>(a)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc <sup>(a)</sup>	TCU	SMEWW 2120B:2017	<5	15
5.	Mùi, vị	-	SMEWW (2150 + 2160): 2017	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH <sup>(a)</sup>	-	TCVN 6492:2011	7,28	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục <sup>(a)</sup>	NTU	SMEWW 2130B: 2017	<1	2

Ghi chú: KPH- Không phát hiện

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2410.0842: Tủ đồng hồ khách hàng - Bệnh viện Bưu Điện- Đường Trần Điền

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH  
 CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Phạm Hải Long

QA/QC

Trần Văn Cường



Đỗ Văn Mạnh